

MẤY VẤN ĐỀ VỀ TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO KHU VỰC ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG HIỆN NAY

NGUYỄN QUỐC TUẤN^{*}
NGUYỄN NGỌC QUỲNH^{**}

1. Khái quát về tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước

Việt Nam là một quốc gia có nhiều loại hình tín ngưỡng, tôn giáo, trong đó bao gồm những hình thức tín ngưỡng nguyên thủy trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tín ngưỡng dân gian của người Việt, những tôn giáo với cơ cấu tổ chức hoàn chỉnh, bao gồm cả tôn giáo ngoại nhập và tôn giáo nội sinh, trong đó các tôn giáo đã được Nhà nước công nhận tư cách pháp nhân là Công giáo, Tin Lành, Phật giáo, Islam giáo (thường quen gọi là Hồi giáo), Cao Đài, Phật giáo Hòa Hảo và mới đây là Tịnh Độ Cư Sĩ Phật Hội và Tứ Ân Hiếu Nghĩa.

Theo thống kê năm 2004, Việt Nam có khoảng gần 20 triệu tín đồ chiếm khoảng 25% dân số. Việt Nam có một lực lượng chức sắc, nhà tu hành khá đông đảo. Cả nước có hơn 60.000 chức sắc, nhà tu hành thuộc 6 tôn giáo. Cụ thể: Phật giáo: 33.368; Công giáo: 15.108; Cao Đài: 9.237; Hòa Hảo: 1.554; Tin Lành: 469; Islam giáo: 695. Số lượng tín đồ cụ thể như sau: Phật giáo: 9.038.064 tín đồ; Công giáo: 5.572.525 tín đồ; Cao Đài:

2.434. 432 tín đồ; Phật giáo Hòa Hảo: 1.232.572 tín đồ; Tin Lành: 421.248 tín đồ; Islam giáo: 4.991 tín đồ⁽¹⁾.

Ở Việt Nam, các tôn giáo có mối quan hệ quốc tế rộng rãi. Giáo hội Công giáo Việt Nam về mặt tổ chức là bộ phận của Giáo hội Công giáo hoàn vũ do Giáo triều Vatican lãnh đạo điều hành. Các hệ phái Tin Lành ở Việt Nam có mối quan hệ đa chiều với các tổ chức Tin Lành quốc tế, nhất là với Tin Lành Bắc Âu, Mỹ và Hàn Quốc. Giáo hội Phật giáo Việt Nam có mối quan hệ với Phật giáo các nước trong khu vực, nhất là Phật giáo Trung Quốc, Ấn Độ, Lào, Campuchia và quan hệ với các tổ chức Phật giáo quốc tế. Islam giáo ở Việt Nam tuy ít nhưng có mối quan hệ khá chặt chẽ với Islam giáo thế giới và các nước trong khu vực. Ngoài những mối quan hệ nói trên, các tôn giáo ở Việt Nam còn chịu sự tác động của các tổ chức, cá nhân tôn giáo của người Việt Nam ở nước ngoài.

Những năm gần đây, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam về tín

*. TS., Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

**.. ThS., Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

1. Nguyễn Thanh Xuân. *Một số tôn giáo ở Việt Nam*. Nxb Tôn giáo 2005, tr.532-536.

ngưỡng, tôn giáo và công tác quản lý nhà nước về tôn giáo đã được triển khai, tuyên truyền và phổ biến rộng rãi đến đội ngũ cán bộ chủ chốt trong hệ thống chính quyền, đến tín đồ, chức sắc, chức việc, nhà tu hành và tín đồ các tôn giáo. Có thể kể ra một số văn kiện cơ bản như sau: *Nghị quyết số 24/NQ - TW* ngày 16/10/1990 của Bộ Chính trị về tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới. *Chỉ thị số 37 CT/TW* ngày 02 tháng 7 năm 1998 của Bộ Chính trị về công tác tôn giáo trong tình hình mới. *Nghị quyết số 25 NQ/TW* ngày 12 tháng 3 năm 2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác tôn giáo. *Quyết định số 125/2003/QĐ - TTg* của Chính phủ về Chương trình thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX. *Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo*, công bố ngày 29 tháng 6 năm 2004. *Nghị định số 22/2005/NĐ-CP*, ngày 01/03/2005 của Chính phủ Hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo. *Chỉ thị số 01/2005/CT-TTg*, ngày 04/02/2005 của Thủ tướng Chính phủ về một số công tác đối với đạo Tin Lành.

Các văn kiện trên đây thể hiện quan điểm đổi mới của Đảng và Nhà nước Việt Nam đối với sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo, do đó tình hình tín ngưỡng, tôn giáo nói chung đã có những chuyển biến mới theo hướng tích cực. Tuy nhiên, trên thực tế, việc triển khai các chính sách này tại từng địa phương còn gặp một số khó khăn, bất cập nên có lúc, có nơi chưa hoàn toàn đáp ứng được nguyện vọng của đồng bào có đạo.

2. Vài nét về tín ngưỡng, tôn giáo khu vực đồng bằng sông Hồng

Đồng bằng sông Hồng là một châu thổ được hình thành do sự bồi đắp phù sa của sông Hồng và sông Thái Bình. Về mặt hành chính, đồng bằng sông Hồng bao gồm 11 tỉnh, thành phố: Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, Thái Bình, Ninh Bình, Hà Nam, Hưng Yên, Hà Tây, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hải Dương. Theo *Niên giám thống kê năm 2004*, diện tích của đồng bằng sông Hồng là 14812,5 km², dân số ước tính là 17.836.000 người⁽²⁾.

Đồng bằng sông Hồng có thể xem là một vùng đặc thù của Việt Nam, có những đặc trưng mà những vùng khác không có hoặc không đậm nét, có thủ đô Hà Nội là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của cả nước, có cảng Hải Phòng là cảng lớn của cả nước, có mật độ thành thị cao nhất cả nước. Đồng bằng sông Hồng gần các nguồn năng lượng (nhiệt điện Phả Lại, thủy điện Hòa Bình), gần các nguồn nguyên liệu khoáng sản, lâm sản, hải sản vì có rừng và biển bao quanh. Mạng lưới giao thông nơi đây đủ cả đường thủy, đường bộ, đường sắt, đường hàng không, liên hệ tới các địa phương trong nước và nước ngoài. Đồng bằng sông Hồng có đội ngũ trí thức đông đảo, có nhiều trường đại học và viện nghiên cứu⁽³⁾. Đồng bằng sông Hồng là một vùng văn hóa độc đáo và đặc sắc, là cái nôi của các nền văn hóa nổi tiến trải suốt diễn trình lịch sử văn minh Việt Nam với các trung tâm tiêu biểu như:

2. *Niên giám thống kê năm 2004*, Tổng cục Thống kê, Nxb Thống kê, 2005.

3. *Văn hóa và cư dân vùng đồng bằng sông Hồng*. Nxb Khoa học Xã hội 1991, tr. 95.

Bạch Hạc, Cổ Loa, Thăng Long - Hà Nội. Nhìn từ góc độ hình thành đồng bằng sông Hồng và cùng với nó là quá trình khai thác của cư dân, các nhà khoa học đã phân chia khu vực này thành ba vùng: vùng địa - văn hóa thêm phù sa cổ; vùng địa - văn hóa châu thổ trung tâm; và vùng địa - văn hóa duyên hải⁽⁴⁾.

Cư dân vùng đồng bằng sông Hồng bao gồm gần 40 dân tộc sinh sống và làm việc. Trong số đó, người Việt chiếm đại đa số (khoảng 90%), tiếp đến là các dân tộc: Mường, Tày, Hoa, Nùng, Dao, Sán Diu... Do cư dân chủ yếu của vùng đồng bằng sông Hồng là người Việt nên trong sinh hoạt tâm linh, tín ngưỡng, tôn giáo của người Việt giữ vai trò trung tâm và là yếu tố chủ đạo ở khu vực này. Người Việt ở vùng đồng bằng sông Hồng đa số sống bằng nông nghiệp, vì vậy hệ thống tín ngưỡng dân gian của họ bao gồm thờ cúng tổ tiên, các nghi lễ nông nghiệp, thờ cúng thần linh bảo vệ cho dòng họ, làng xóm, lao động sản xuất, là những tín ngưỡng hướng về các mối quan hệ xã hội. Các tôn giáo lớn như Phật giáo, Đạo giáo, Nho giáo đã có những ảnh hưởng nhất định đến vùng đất này vào khoảng đầu Công nguyên... Trong quá trình lịch sử, giao lưu văn hóa, đã có những tôn giáo từ bên ngoài du nhập vào Việt Nam như Công giáo, Tin Lành, Islam giáo. Người Việt cũng đã tiếp xúc và tiếp thu ảnh hưởng văn hoá của những tộc người khác, trong đó có những ảnh hưởng về tín ngưỡng, tôn giáo. Ngoài ra, nơi đây còn có sự hiện diện của đạo Cao Đài, một tôn giáo nội sinh ra đời vào những năm đầu thế kỉ XX ở các tỉnh Nam Bộ. Tín đồ các tôn giáo ở khu vực đồng bằng sông Hồng

là những người có tinh thần yêu nước, đồng thời cũng có niềm tin tôn giáo sâu sắc. Do vậy họ vừa gắn bó với dân tộc, đất nước, đi theo sự lãnh đạo của Đảng, đóng góp quan trọng vào sự nghiệp cách mạng của toàn dân, vừa có nhu cầu sinh hoạt tôn giáo bình thường.

Ý thức về cội nguồn được thể hiện trong việc thờ cúng tổ tiên (hiểu theo nghĩa rộng) vẫn còn khá đậm trong đời sống tâm linh của các cư dân vùng đồng bằng sông Hồng. Gia đình có bàn thờ tổ tiên, dòng họ có Tổ đường, làng xóm thờ thần thành hoàng, thần làng ở đình, đền, nước thờ Lạc Long Quân, Âu Cơ, vua Hùng... Bên cạnh đó nơi đây còn có sự hiện diện của một số hiện tượng tôn giáo mới, tựu trung lại có thể phân chia thành 2 loại hình: loại hình thứ nhất là các hiện tượng tôn giáo đã xuất hiện từ lâu ở nước ngoài nhưng mới du nhập vào Việt Nam như: đạo B'hai, các nhóm phái Tin Lành tư gia,...; loại hình thứ hai là các hiện tượng tôn giáo mới xuất hiện trong nước những năm gần đây. Theo thống kê chưa đầy đủ của các cấp chính quyền và các nhà khoa học, ở Việt Nam từ năm 1980 đến 2001 đã xuất hiện khoảng 60 tên gọi của 50 hiện tượng tôn giáo mới⁽⁵⁾, trong đó các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng là nơi có mật độ các hiện tượng tôn giáo mới như Long Hoa Di Lặc, Ngọc Phật Hồ Chí Minh, đạo Trời... tập trung khá đông, chủ yếu có ở các tỉnh: Hải Dương, Nam Định, Hà Tây, Hà Nội...

4. Văn hóa và cư dân vùng đồng bằng sông Hồng. Nxb Khoa học Xã hội 1991, tr. 97-122.

5. Dẫn theo: Đỗ Quang Hưng. *Hiện tượng tôn giáo mới: Một vấn đề lý luận và thực tiễn*. Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 5/2001, tr. 3-12.

Vùng đồng bằng sông Hồng, trong đó có Hà Nội, là khu vực có dân trí tương đối cao, đời sống nhân dân khá phát triển, tuy nhiên ở một số nơi, hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng đã và đang có nhiều điều bất hợp lý như: tổ chức các nghi lễ với hình thức phô trương gây lãng phí tiền của, thời gian của nhân dân (một số lễ hội dân gian và lễ hội tôn giáo); truyền đạo trái pháp luật (các nhóm Tin Lành tư gia, các hiện tượng tôn giáo mới); đào tạo, chuyển chức sắc không đúng quy định (một số trường hợp của Công giáo, Phật giáo); xây dựng, sửa chữa cơ sở thờ tự trái phép (một số cơ sở thờ tự của Phật giáo); lấn chiếm, bán đất của cơ sở thờ tự để tư lợi (như vấn đề tranh chấp, lấn chiếm đất đai ở một số cơ sở thờ tự những năm gần đây); lấn lướt, gây sức ép với chính quyền (một số linh mục, nhà sư có biểu hiện bất hợp tác, gây khó khăn cho chính quyền địa phương), hoặc ngược lại dành những ưu ái với các cán bộ nhà nước để mở rộng phạm vi ảnh hưởng, đặc quyền (một số trụ trì chùa ở các thành phố lớn)... Đối với những vấn đề này, chính quyền địa phương ở một số nơi, thậm chí cả các cơ quan ban ngành trung ương, cũng gặp nhiều lúng túng, một số vụ việc còn tồn đọng do chưa có biện pháp giải quyết thoả đáng.

Hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo ở thành phố Hà Nội, trung tâm của vùng đồng bằng sông Hồng và của cả nước đang nổi lên những vấn đề như: tìm cách thoát li sự quản lý của Nhà nước thể hiện trong việc chiêu sinh, đào tạo, chuyển chức, phong chức, bổ nhiệm chức sắc; đòi lại cơ sở vật chất có nguồn gốc tôn giáo; một số hiện tượng tôn giáo mới hoạt

động gây ảnh hưởng đến trật tự xã hội; những khiếu kiện tranh chấp quyền quản chùa cảnh; mâu thuẫn giữa chức sắc các tôn giáo với một bộ phận tín đồ hoặc một bộ phận nhân dân; một số chức sắc tôn giáo có hành vi làm ảnh hưởng đến sự trang nghiêm của giáo hội...

3. Một số vấn đề đặt ra và giải pháp

Hiện nay, do tình hình biến động về chính trị, xã hội trên trường quốc tế, trước xu thế toàn cầu hóa, các tôn giáo trên thế giới có nhiều chuyển biến nhanh chóng. Ở Việt Nam, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo đã được khẳng định trong Hiến pháp và trong các văn bản pháp luật của Nhà nước, các cấp chính quyền và đoàn thể xã hội tôn trọng, tạo điều kiện thuận lợi cho quần chúng thực hiện các sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo của mình.

Do có nhiều điều kiện thuận lợi nên các tôn giáo như Phật giáo, Công giáo, Tin Lành đang tiếp tục mở rộng các hình thức sinh hoạt. Các chức sắc tôn giáo vừa tích cực hoạt động tôn giáo, vừa tranh thủ mở rộng vai trò, ảnh hưởng xã hội, số lượng các chức sắc tôn giáo được tăng cường và củng cố lại. Cơ sở vật chất của các tôn giáo được cải thiện, kinh phí của các tôn giáo được tăng lên từ nhiều nguồn trong và ngoài nước. Các cơ sở thờ tự như nhà thờ, chùa, thánh thất, đình, đền, lăng tẩm, tịnh xá, tịnh thất... được xây mới hoặc tu sửa. Các hoạt động trên đều hướng tới việc phát triển tôn giáo, tín ngưỡng, củng cố đức tin, thu hút tín đồ. Bên cạnh đó, nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo trong một bộ phận dân cư cũng có chiều hướng gia tăng.

Ngoài sự hoạt động sôi động của các tôn giáo lớn, do cơ chế mới về hợp tác kinh tế, ngoại giao, du lịch... đã làm xuất hiện những điều kiện mới để các tôn giáo mới nảy sinh và phát triển. Trong đó có những hiện tượng tôn giáo thiên về khôi phục các giá trị đạo đức truyền thống tốt đẹp, nhưng cũng có cả những hiện tượng tôn giáo với những sinh hoạt không phù hợp với văn hóa, đạo đức của người Việt Nam.

Hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng truyền thống do chịu ảnh hưởng của cơ chế thị trường, trở nên nhộn nhịp, nhất là trong mùa lễ hội. Tình trạng mê tín, lãng phí nhiều thời gian, tiền của vào các nghi lễ, cúng bái phô trương, thường xuất hiện trong các cuộc hành hương, rước lễ. Sách báo, băng hình về tôn giáo, mê tín xuất hiện nhiều, bày bán tràn lan ở các di tích tôn giáo đặc biệt vào các dịp lễ hội ở cả nông thôn lẫn thành thị. Ở một số cơ sở thờ tự, nhất là các điện thờ tư gia, xuất hiện tình trạng dùng nơi thiêng liêng làm điều thế tục, chạy theo danh lợi, lợi dụng lòng tin của các tín đồ để quyên góp tiền của dưới nhiều hình thức, lấy tiền công đức phục vụ cho cá nhân và gia đình.

Những tác động của kinh tế thị trường, của quá trình đô thị hóa,... khiến cho các vụ khiếu kiện tôn giáo ngày càng tăng, chủ yếu là các vấn đề liên quan đến đất đai, cơ sở thờ tự. Những vấn đề khiếu kiện lớn đã và đang ẩn chứa nhiều bất ổn trong thời gian tới. Nhìn chung các tôn giáo đều sinh hoạt trong phạm vi khuôn khổ pháp luật của Nhà nước. Song cũng còn có tình trạng một số cá nhân và tổ chức tôn giáo lợi dụng cơ chế đổi mới và sự quản lý có những mặt còn yếu kém của

chính quyền ở một vài địa phương để luồn lách, thực hiện các hành vi tôn giáo vượt ra khỏi khuôn khổ cho phép, ảnh hưởng đến an ninh trật tự, thuần phong mỹ tục.

Việt Nam là một quốc gia đa tôn giáo, tín ngưỡng. Chính sự đa dạng này đã đặt ra cho Đảng và Nhà nước nhiều khó khăn trong việc đề ra các chủ trương, chính sách đối với vấn đề tôn giáo, tín ngưỡng.

Các hoạt động tín ngưỡng thu hút đại đa số quần chúng nhân dân tham gia. Loại hình hoạt động này được thực hiện dưới nhiều hình thức như: thờ cúng tổ tiên tại gia đình, thờ cúng những người có công với dân tộc và các hoạt động tín ngưỡng dân gian được tổ chức ở khắp các vùng miền trên cả nước... Nhà nước tôn trọng những hoạt động tín ngưỡng lành mạnh, đề cao giá trị nhân văn và truyền thống văn hóa dân tộc, đáp ứng nhu cầu của đông đảo quần chúng nhân dân, đồng thời cũng cần có những biện pháp hạn chế đến mức thấp nhất hoạt động mê tín, thương mại hóa hoạt động tín ngưỡng.

Trong những năm gần đây, các văn kiện của Đảng và Nhà nước về tôn giáo đã có nhiều điểm mới, với tinh thần: Công tác tôn giáo trong giai đoạn mới phải nhằm tăng cường đoàn kết đồng bào các tôn giáo trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc. Tuy nhiên, muốn giải quyết tốt vấn đề tôn giáo cũng cần phải kết hợp với những giải pháp về kinh tế, văn hóa. Bên cạnh việc vừa phải đảm bảo đối xử bình đẳng, đảm bảo nhu cầu tín ngưỡng, cần phải có những biện pháp nhằm nâng cao đời sống

kinh tế, đời sống văn hóa, nâng cao nhận thức của tín đồ các tôn giáo. Sự ổn định và phát triển của xã hội sẽ góp phần đạt được sự bình ổn trong các hoạt động tôn giáo.

Các cấp chính quyền và đoàn thể xã hội cần tạo điều kiện nâng cao đời sống dân sinh, trình độ dân trí cho quần chúng, từng bước bằng những hành động thiết thực khoả lấp những khoảng cách, xóa đi những định kiến giữa tôn giáo với chính quyền, góp phần giải quyết những vấn đề bức xúc của quần chúng tín đồ các tôn giáo, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, làm tốt công tác tiếp dân, giải quyết kịp thời các khiếu nại của các tổ chức, chức sắc và tín đồ các tôn giáo, giải quyết dứt điểm từng vụ việc, tránh kéo dài hoặc khiêu kiện vượt cấp, không để xảy ra điểm nóng về vấn đề tôn giáo.

Bên cạnh việc đưa hoạt động của các tôn giáo vào nề nếp, cũng cần có những biện pháp phát huy tính chủ động, phát huy nội lực trong việc giải quyết vấn đề nội bộ, đổi mới cơ cấu tổ chức, giáo lý... của các tôn giáo, tránh tình trạng ỷ lại trông chờ vào Nhà nước.

Vấn đề quan hệ quốc tế của các tổ chức tôn giáo cần phải từng bước được xem xét giải quyết tương xứng với đường lối đối ngoại rộng mở của Đảng và Nhà nước Việt Nam và xu hướng toàn cầu hoá, quốc tế hoá.

Ban Tôn giáo ở các địa phương cần làm tốt hơn chức năng cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo ở địa phương theo đúng quy định của luật pháp đồng thời lắng nghe ý kiến và nguyện vọng của các chức sắc, tín đồ trong việc thực hiện sinh hoạt tôn giáo theo đúng chính sách của Nhà

nước về tôn giáo, cũng như sự phát triển kinh tế, xã hội của địa phương.

Tiếp tục củng cố và kiện toàn cơ quan phụ trách tôn giáo thuộc UBND các cấp, đặc biệt là ở cấp huyện và cấp cơ sở. Quan tâm đúng mức đến việc nâng cao trình độ, nâng cao năng lực quản lý của các cán bộ làm công tác tôn giáo bằng việc cử đi học các lớp tập huấn về chủ trương chính sách, pháp luật, cấp phát tài liệu; tạo điều kiện để họ có thể được đào tạo, tham quan thực tế, trao đổi kinh nghiệm ở những nơi làm tốt công tác tôn giáo ở trong và ngoài nước.

Cần có sự phối hợp chặt chẽ, hài hòa và kịp thời giữa Ban Tôn giáo với các cơ quan, ban ngành, đoàn thể như: Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu Chiến binh, Hội Nông dân, Ban Dân vận, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, cơ quan Công an... trong việc trao đổi thông tin, bàn hướng giải quyết các vấn đề bức xúc có liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo.

Thực tế cho thấy, yêu cầu công tác tôn giáo của cấp địa phương rất lớn nhưng năng lực, nhận thức của một số cán bộ còn chưa đáp ứng được yêu cầu. Một số nơi không có cán bộ chuyên trách cho công tác này, hoặc nếu có thì từ các công tác khác chuyển sang hoặc kiêm nhiệm dẫn đến tình trạng không nắm được các quy định về pháp luật, hoặc chỉ thực hiện các chủ trương chính sách mới của Nhà nước một cách máy móc, thậm chí không được thực hiện đầy đủ, kịp thời. Khi áp dụng những quy định mới trong *Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo* vào thực tế, nhiều nơi còn lúng túng, có nơi còn giữ tư

tưởng mặc cảm, định kiến, có nơi lại buông lỏng quản lí. Những hạn chế trên đây đã gây ra ảnh hưởng không nhỏ đến công tác tôn giáo ở các địa phương cũng như chưa phát huy được hết những chủ trương, chính sách tích cực của Nhà nước. Những phản ứng từ dư luận quốc tế liên quan đến vấn đề nhân quyền, tôn giáo ở Việt Nam những năm qua một phần bắt nguồn từ thực tế này.

Cần có chủ trương cụ thể nhằm tạo điều kiện cho các chức sắc, tín đồ tham gia nhiều hơn nữa vào các hoạt động xã hội. Một mặt, sử dụng nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, tài chính của các tôn giáo để góp phần làm phong phú các sinh hoạt văn hóa, xây dựng nếp sống văn minh, đa dạng hóa nội dung và hình thức sinh hoạt văn hóa quần chúng, phát triển giáo dục, khuyến học, làng văn hóa, bài trừ tệ nạn xã hội, chăm sóc người nhiễm HIV, bài trừ hủ tục, đoàn kết xóm giềng, xóa đói giảm nghèo tại các địa phương, triển khai các chủ trương, chính sách của Nhà nước.... Mặt khác, tạo điều kiện cho các chức sắc, tín đồ các tôn giáo được tham gia một cách bình đẳng vào các hoạt động của cộng đồng.

Phát huy những mặt tích cực trong văn hóa truyền thống của các dân tộc, trong giáo lí, đời sống sinh hoạt đạo của

các tín đồ tôn giáo, tôn trọng tự do tín ngưỡng, tôn giáo của các tín đồ. Nhưng bên cạnh đó cũng cần có biện pháp quản lí việc tổ chức các hoạt động tín ngưỡng dân gian để đưa các hoạt động này vào nề nếp nhằm phát huy truyền thống văn hóa của nhân dân và bài trừ mê tín, hủ tục. Cần có sự kết hợp giữa các ban ngành văn hóa của địa phương để tránh tình trạng lộn xộn, tư nhân hóa, thương mại hóa các hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng ở địa phương. Nhưng mặt khác, trong công tác tổ chức hoạt động cũng cần tránh can thiệp quá sâu sự quản lí của nhà nước vào các hoạt động này dẫn đến tình trạng hành chính hóa, xơ cứng; làm giảm tính tự giác, tự quản.

Ở các tỉnh thuộc đồng bằng sông Hồng, có nhiều nơi đồng bào theo đạo sống xen kẽ với đồng bào không theo đạo. ở những nơi này cần có sự hướng dẫn, các hoạt động xã hội, cộng đồng tránh việc thiếu hiểu biết dẫn đến tâm lí e ngại, kì thị. Việc làm lành mạnh hóa, bình thường hóa các mối quan hệ tôn giáo không chỉ đơn thuần của một bộ phận nào trong xã hội mà là trách nhiệm chung của cả hệ thống chính trị. Dĩ nhiên cách tổ chức, tiến hành, nội dung công tác cần có những sáng kiến tìm tòi khác nhau tùy thuộc vào hoàn cảnh cụ thể./.